TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01/2025/HS-ST
Ngày 21-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Chu Thị Lan Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hoàng Thị Huyền**

Ông **Trần Ánh Hồng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 tham gia phiên tòa:* Bà **Đinh Hồng Hạnh -** Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025 tại Chi nhánh Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 07 năm 2025 đối với bị cáo.

Họ và tên: Nguyễn Phú Đ. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 31 tháng 12 năm 1995 tại: L, Hòa Bình. Nơi thường trú: Đ, N, L, Hòa Bình. Nay là: Đồng Sẽ, xã L, tỉnh Phú Thọ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 017095004167 cấp ngày 25/6/2023, nơi cấp: Cục C về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Phú Đ1, sinh năm 1974 và bà: Lê Thị T, sinh năm 1974; Vợ : Trần Thị H, sinh năm 1999; Con: 02 con.; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ: từ ngày 09/11/2023 đến ngày 15/11/2023

Hiện nay bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú chờ xử lý. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*

1/ Ông Bùi Duy T1, sinh năm 1994, HKTT: T, Hồ N, H, Thái Bình. Nơi tạm trú: số B, Ngõ P, L, H, Hà Nội (nay là: số B, P, phường H, TP Hà Nội). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Bà Bạch Thị H1, sinh năm 1994; HKTT: T, Hồ N, H, Thái Bình. Nơi tạm trú: số B, Ngõ P, L, H, Hà Nội (nay là: số B, P, phường H, TP Hà Nội). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1974; HKTT: thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là thôn Đ, xã L, tỉnh Phú Thọ). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau;

Ngày 09/11/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện L, Hòa Bình tiếp nhận Đơn tố giác của anh Bùi Duy T1, sinh năm: 1994, HKTT: Tho M, Hồ N, H, Thái Bình về việc từ tháng 10/2022 đến tháng 11/2022 anh T1 và vợ là Bạch Thị H1 có vay của Nguyễn Phú Đ, sinh năm: 1995, nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình với tổng số tiền là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng), mức lãi suất từ khoảng 4.000đ/1.000.000đ/ngày (Bốn nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày) đến 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Cùng ngày 09/11/2023, Nguyễn Phú Đ, sinh năm: 1995, nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là Đ, xã L, tỉnh Phú Thọ) đến Công an huyện L, Hòa Bình đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng từ tháng 10/2022 đến ngày 09/11/2022, tại xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là Đ, xã L, tỉnh Phú Thọ).

Do có mục đích thu lời bất chính Nguyễn Phú Đ nảy sinh ý định cho vay tiền với lãi suất cao. Đ đã cho vợ chồng anh T1, chị H1 vay tiền bằng hình thức vay tín chấp không cần tài sản bảo đảm với mức lãi suất khoảng từ 4000đ (Bốn nghìn đồng)/1.000.000đ/1 ngày đến 5000đ (Năm nghìn đồng)/1.000.000đ/1 ngày tương ứng với mức lãi suất từ 126%/ năm đến 172%/ năm tức là gấp từ 6,28 lần đến 8,60 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Cụ thể:

- Ngày 01/10/2022 đến ngày 07/10/2022 (07 ngày) Nguyễn Phú Đ cho vợ chồng Bùi Duy T1 và Bạch Thị H1 đều sinh năm: 1994, đều có HKTT: T, Hồng M, H, Thái Bình vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), không có hợp đồng chỉ thỏa thuận bằng miệng. Số tiền lãi anh T1, chị H1 đã trả cho Đ là 8.400.000đ (Tám

triệu bốn trăm nghìn đồng). Căn cứ vào Công văn số 59/TTGSNH, ngày 14/112023 của Ngân hàng N1 chi nhánh tỉnh H xác nhận kết quả tính lãi suất và số tiền thu lời bất chính gồm: Số tiền lãi tối đa theo Bộ luật dân sự là: 1.150.685đ. Số tiền vượt so với mức tối đa theo Bộ luật dân sự là: 7.249.315đ, tương ứng lãi suất quy - đổi năm là 146 %/năm vượt quá so với lãi suất quy định của bộ luật dân sự là 7,3 lần. Hiện vợ chồng anh T1, chị H1 đã tất toán số tiền gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) cho Đ.

- Từ ngày 12/10/2022 đến 25/10/2022 (14 ngày) Nguyễn Phú Đ tiếp tục cho vợ chồng anh Bùi Duy T1 và chị Bạch Thị H1 vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Số tiền lãi anh T1, chị H1 đã trả cho Đ là 26.400.000đ (Hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Căn cứ vào Công văn số 59/TTGSNH, ngày 14/112023 của Ngân hàng N1 chi nhánh tỉnh H xác nhận kết quả tính lãi suất và số tiền thu lời bất chính gồm: Số tiền lãi tối đa theo Bộ luật dân sự là: 3.068.493đ. Số tiền vượt so với mức tối đa theo Bộ luật dân sự là: 23.331.057đ, tương ứng lãi suất quy đổi năm là 172 %/năm vượt quá so với lãi suất quy định của bộ luật dân sự là 8,60 lần. Hiện vợ chồng anh T1, chị H1 đã tất toán số tiền gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) cho Đ.

- Từ ngày 03/11/2022 đến 27/11/2022 (25 ngày) Nguyễn Phú Đ mượn tiền của mẹ đẻ là Lê Thị T, sinh năm: 1974, nơi cư trú: Đ, N, L, Hòa B tiếp tục cho vợ chồng anh Bùi Duy T1 và chị Bạch Thị H1 vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Số tiền lãi anh T1, chị H1 đã trả cho Đ là 43.000.000đ (Bốn mươi ba triệu đồng). Căn cứ vào Công văn số 59/TTGSNH, ngày 14/11/2023 của Ngân hàng N1 chi nhánh tỉnh H xác nhận kết quả tính lãi suất và số tiền thu lời bất chính gồm: Số tiền lãi tối đa theo Bộ luật dân sự là: 6.849.315đ. Số tiền vượt so với mức tối đa theo Bộ luật dân sự là: 36.150.685đ. tương ứng lãi suất quy đổi năm là 126 %/năm vượt quá so với lãi suất quy định của bộ luật dân sự là 6,28 lần. Hiện vợ chồng anh T1, chị H1 đã tất toán số tiền gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) cho Đ.

Ngoài ra ngày 05/12/2022 Nguyễn Phú Đ còn cho chị Bạch Thị H1 vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) với lãi suất 1.000đ/1 triệu đồng/ 1 ngày, Huế vay tiền mặt, ngày 13/12/2022, H1 đã chuyển khoản trả số tiền này cho Đ. Ngày 22/12/2022, cho Bạch Thị H1 vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) (chuyển khoản) với lãi suất 1.000đ/1 triệu đồng/1ngày, ngày 25/12/2022, Huế đã trả tiền cho Đ (trả tiền mặt). Đ cho H1 vay số tiền nêu trên với lãi suất theo quy định của pháp luật nên xác định đây là giao dịch dân sự.

Trong quá trình giao dịch Nguyễn Phú Đ sử dụng số tài khoản Ngân hàng V là 103872762281 đăng ký tên Nguyễn Phú Đ, Đ dùng số Căn cước công dân số: 017095004167 đăng ký tài khoản ngân hàng và sử dụng tài khoản này để giao dịch cho vay lãi nặng.

Tổng số tiền ba lần Nguyễn Phú Đ sử dụng để cho vay là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Tuy nhiên, mỗi vòng vay vợ chồng anh Bùi Duy T1 và chị Bạch Thị H1 đã tất toán xong khoản nợ rồi mới vay vòng vay mới, trị giá số tiền của lần cho vay cao nhất là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Tổng số tiền Nguyễn Phú Đ thu lãi qua ba lần cho vay là 77.800.000đ; trong đó: số tiền lãi tối đa theo Bộ luật dân sự: 11.068.493 đồng; số tiền thu lời bất chính là 66.731.507 đồng.

Ngoài ra Nguyễn Phú Đ cho một số người vay tiền không tính lãi suất và có lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự như anh Bùi Văn Q, chị Nguyễn Thị N, anh Bùi Văn D… nên xác định đây là giao dịch dân sự.

* *Vật chứng:* 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu vàng gắn số sim 0339388133 Đăng dùng để chuyển khoản cho H1 và T1 vay, trước khi ra đầu thú đã đánh rơi, Đ không biết rơi ở đâu. Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy.

**Trách nhiệm dân sự:*Trong quá trình điều tra giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Bùi Duy T1 và chị Bạch Thị H1 yêu cầu bồi thường lại số tiền lãi vượt quá so với mức tối đa theo Bộ luật dân sự mà bị cáo Nguyễn Phú Đ đã thu lợi bất chính. Xác nhận ngày 20/7/2025 bị cáo Nguyễn Phú Đ đã bồi thường cho chị Bùi Thị H2 số tiền 66.732.000 đồng.

Số tiền gốc 500.000.000đ (số tiền gốc cao nhất trong ba lần bị cáo cho vay) và tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định là 11.068493đ, là công cụ, phương tiện phạm tội nên áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp khắc phục tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên lai số 0000087 ngày 21/7/2025 số tiền 11.068493đ, biên lai số 0000085, ngày 21/7/2025 số tiền 500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hội đồng xét xử công bố lời khai trước cơ quan điều tra của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Cáo trạng số: 25a/CT-VKSLS ngày 30/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Phú Đ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Phú Đ phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Phú Đ mức án từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Về vật chứng: 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu vàng gắn số sim 0339388133, Đ dùng để chuyển khoản cho H2 và T1 vay, trước khi ra đầu thú đã đánh rơi, Đ không biết rơi ở đâu. Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra giải quyết vụ án những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án như anh Bùi Duy T1 và chị Bạch Thị H1 yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền lãi vượt quá so với mức tối đa theo Bộ luật dân sự mà bị cáo Nguyễn Phú Đ đã thu lợi bất chính. Xác nhận ngày 20/7/2025 bị cáo Nguyễn Phú Đ đã bồi thường cho chị Bùi Thị H2 số tiền 66.732.000 đồng, chị H2 đã nhận đủ và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

Về biện pháp tư pháp: Số tiền gốc 500.000.000đ (số tiền gốc cao nhất trong ba lần bị cáo cho vay) và tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định là 11.068493đ, là công cụ phạm tội nên áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp khắc phục tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên lai số 0000087 ngày 21/7/2025 số tiền 11.068493đ, biên lai số 0000085, ngày 21/7/2025 số tiền 500.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có tranh luận gì, đồng ý với tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tội phạm xảy ra tại Đ, xã L, tỉnh Phú Thọ, bị cáo bị truy tố theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự có mức cao nhất của khung hình phạt là 02 năm cải tạo không giam giữ, theo quy định tại Điều 268, 269 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L Điều tra viên huyện L, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Người liên quan chị H2, anh T1 bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ yêu cầu bồi thường của họ cũng như các yêu cầu khác, việc họ vắng mặt tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án cùng như quyền và lợi ích hợp pháp của họ nên Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự**.**

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tội danh điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Phú Đ là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình. Trong thời gian từ tháng 10/2022 đến ngày 09/11/2022, tại xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ), Nguyễn Phú Đ đã có hành vi cho vợ chồng anh Bùi Duy T1 và chị Bạch Thị H1 vay dưới hình thức vay lãi ngày với mức lãi suất từ 4000đ (Bốn nghìn đồng)/1.000.000đ/1 ngày - 5000đ

(Năm nghìn đồng)/1.000.000đ/1 ngày tương ứng với mức lãi suất từ 126%/ năm đến 172%/ năm tức là gấp từ 6,28 lần đến 8,60 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tổng số tiền ba lần Nguyễn Phú Đ sử dụng để cho vay là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Tuy nhiên, mỗi vòng vay (lần 1: từ 01/10/2022 đến 07/10/2022; lần 2: từ 12/10/2022 đến 25/10/2022; lần 3: từ 03/11/2022 đến 27/11/2022) vợ chồng anh Bùi Duy T1 và chị Bạch Thị H1 đã tất toán xong khoản nợ rồi mới vay vòng vay mới, trị giá số tiền của lần cho vay cao nhất là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Tổng số tiền Nguyễn Phú Đ thu lãi qua ba lần cho vay là 77.800.000đ; trong đó: số tiền lãi tối đa theo Bộ luật dân sự là: 11.068.493 đồng; số tiền thu lời bất chính là 66.731.507 đồng.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Phú Đ đã cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Phú Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm đối với bị cáo thì thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Phú Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước về tín dụng, xâm phạm tài sản của người khác. Mặc dù nhận thức được việc cho vay tiền với mức lãi suất vượt quá 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện vì mục đích tư lợi. Vì vậy, cần phải xét xử bị cáo bằng một mức án nghiêm minh nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo và nhằm đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đến Cơ quan Công an đầu thú, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những đánh giá nêu trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo, HĐXX xét thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt không tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự cũng đủ để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]. Về biện pháp tư pháp

Tổng số tiền ba lần bị cáo Nguyễn Phú Đ sử dụng để cho vay là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Tuy nhiên, mỗi vòng vay (lần 1: từ 01/10/2022 đến 07/10/2022; lần 2: từ 12/10/2022 đến 25/10/2022; lần 3: từ 03/11/2022 đến 27/11/2022) vợ chồng anh Bùi Duy T1 và chị Bạch Thị H1 đã tất toán xong khoản nợ rồi mới vay vòng vay mới. Trị giá số tiền của lần cho vay cao nhất là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), xác định số tiền này là công cụ phạm tội nên áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp khắc phục tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên lai số 0000085, ngày 21/7/2025 số tiền 500.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu được của anh T1, chị H1 là 11.068.493 đồng. Đây là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Xác nhận bị cáo đã nộp khắc phục tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên lai số 0000087 ngày 21/7/2025 số tiền 11.068493 đồng.

Đối với khoản tiền lãi thu lời bất chính từ người vay là anh T1, chị H1 cần phải trả lại. Cụ thể bị cáo Nguyễn Phú Đ phải trả lại anh T1, chị H1 số tiền 66.731.507 đồng. Xác nhận bị cáo Đ đã bồi thường cho anh T1, chị H1 số tiền 66.731.507 đồng theo như Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề ngày 20/7/2025. Anh T1, chị H1 không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

[4]. Về vật chứng: 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu vàng gắn số sim 0339388133 Đăng dùng để chuyển khoản cho H1 và T1 vay, trước khi ra đầu thú đã đánh rơi, Đ không biết rơi ở đâu. Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 35, khoản 1 Điều 46, điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 268, Điều 269, Điều 292, Đều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phú Đ phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

Xử phạt Nguyễn Phú Đ 80.000.000 đồng (T2 mươi triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

2. Biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền gốc: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền gốc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) là tiền mà bị cáo Đ bỏ ra để cho anh T1, chị H1 vay. Xác nhận bị cáo đã nộp khắc phục tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên lai số 0000085, ngày 21/7/2025 số tiền 500.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.068493 đồng là tiền lãi thu được của anh T1, chị H1 (tương ứng với mức lãi suất 20%/ năm theo quy định của Bộ luật dân sự). Xác nhận bị cáo đã nộp khắc phục tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên lai số 0000087 ngày 21/7/2025 số tiền 11.068.493 đồng.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Phú Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luậtj thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Sở TP tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 13 - Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Người có QL&NVLQ
- UBND xã Lương Sơn
- Công thông tin điện tử TAND
- Luu HSVA

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Chu Thị Lan Anh